

Số: 63 /BC-MNNL

Nghĩa Sơn, ngày 05 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ
GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Đơn vị báo cáo:** Trường Mầm non Nghĩa Lạc
- **Cán bộ đầu mối phụ trách:** Nguyễn Thị Nhâm, chức vụ: Hiệu trưởng, số điện thoại: 0852827521

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, kế hoạch 90A/KH-TMNNL ngày 07 tháng 10 năm 2025 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026; thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; lồng ghép các nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch năm học và các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường.

Các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo được quán triệt, triển khai kịp thời tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên: Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non. Công văn số 1921/SGDĐT-CTHSSV ngày 01/06/2026 về báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2025-2026. Nhà trường thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

Trong năm học vừa qua nhà trường luôn duy trì cập nhật đầy đủ dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; thực hiện đồng bộ thông tin trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất và các dữ liệu chuyên ngành theo quy định.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý phục vụ công việc như: Cơ sở dữ liệu ngành, VnEdu, phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản công và các nền tảng điều hành khác.

Công tác tuyển sinh đầu cấp được triển khai theo hình thức trực tuyến, tạo thuận lợi cho cha mẹ trẻ trong đăng ký nhập học. Nhà trường tiếp tục duy trì thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu theo quy định, tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính.

Đơn vị thực hiện quản lý hồ sơ, văn bản điện tử trên các hệ thống dùng chung; thường xuyên sao lưu dữ liệu, kiểm tra thiết bị và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

Ngay từ đầu năm học nhà trường xác định học liệu số là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Trong năm học 2025-2026, cán bộ quản lý và giáo viên đã tích cực xây dựng, sưu tầm, khai thác và sử dụng các học liệu số phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mầm non.

100% nhóm lớp sử dụng ti vi kết nối internet, hình ảnh, video, âm thanh, trò chơi tương tác và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình tổ chức hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động trải nghiệm cho trẻ. Giáo viên chủ động thiết kế giáo án điện tử, video hướng dẫn, bài giảng trực quan, kho hình ảnh và tư liệu số phục vụ các lĩnh vực phát triển của trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non.

Nhà trường khuyến khích giáo viên chia sẻ học liệu trên các nhóm chuyên môn, bổ sung thường xuyên nguồn học liệu số dùng chung phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3.2. Triển khai Thư viện số / thư viện điện tử

Trong năm học nhà trường tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho dữ liệu số phục vụ công tác quản lý và chuyên môn. Các tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, kế hoạch giáo dục, giáo án điện tử, video minh họa, sáng kiến kinh nghiệm, tài liệu tuyên truyền tới phụ huynh được lưu trữ khoa học trên Google Driver để cán bộ, giáo viên thuận tiện tra cứu và sử dụng.

Website nhà trường được duy trì thường xuyên, đăng tải các thông tin chỉ đạo, hoạt động giáo dục, tài liệu tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục kỹ năng sống và phối hợp giáo dục trẻ với gia đình.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Nhà trường tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác các nền tảng số trong giáo dục mầm non do ngành tổ chức.

100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý trường học, cơ sở dữ liệu ngành, các công cụ thiết kế học liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng hỗ trợ công tác chuyên môn. Bên cạnh đó, nhà trường duy trì sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Đối với cấp học mầm non, nhà trường không triển khai dạy học trực tuyến mà chỉ tập trung ứng dụng công nghệ số và khai thác các công cụ AI để hỗ trợ xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế học liệu trực quan, sáng tạo hình ảnh, video minh họa, bài hát, câu chuyện, trò chơi học tập và các nội dung truyền thông tới cha mẹ trẻ. Các phần mềm và nền tảng số được sử dụng hiệu quả trong việc theo dõi sự phát triển của trẻ, quản lý hồ sơ chuyên môn, xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Trong các hoạt động chăm sóc và giáo dục, giáo viên tăng cường sử dụng hình ảnh, video, học liệu tương tác nhằm tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của trẻ, đồng thời giúp trẻ bước đầu làm quen với môi trường số an toàn và phù hợp lứa tuổi.

3.5. Các nội dung khác

Nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường thông qua Website, Zalo nhóm lớp và các nền tảng trực tuyến. Thông tin về tình hình sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ, các hoạt động của nhà trường được trao đổi thường xuyên, kịp thời tới cha mẹ trẻ.

Các biểu mẫu báo cáo, hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giáo dục và minh chứng hoạt động được số hóa từng bước, góp phần giảm áp lực hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

4. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số (theo kế hoạch 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025)

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, Trường Mầm non Nghĩa Lạc đã xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, gắn phong trào với nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Trường đã tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số và kỹ năng công dân số thông qua các hội nghị, sinh hoạt chuyên môn, các buổi tập huấn và tuyên truyền trên môi trường số. Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc sử dụng hiệu quả các nền tảng số trong công việc, khai thác và chia sẻ thông tin trên môi trường mạng an toàn, nhận diện các nguy cơ mất an toàn thông tin, phòng tránh lừa đảo trực tuyến và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được hướng dẫn sử dụng thành thạo các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành và chuyên môn như cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý trường học, các công cụ hỗ trợ xây dựng học liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc. Nhà trường khuyến khích đội ngũ tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Đối với cha mẹ trẻ, nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền thông qua Website, nhóm Zalo của lớp và các cuộc họp phụ huynh; hướng dẫn phụ huynh thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, đăng ký tuyển sinh trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác các kênh thông tin chính thống của nhà trường, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Bên cạnh đó, nhà trường tích cực lan tỏa phong trào “Bình dân học vụ số” thông qua việc xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, chia sẻ các tài liệu hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, tạo điều kiện để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên trở thành hạt nhân trong việc phổ biến kỹ năng số tới gia đình và cộng đồng. Qua đó góp phần hình thành môi trường giáo dục số an toàn, thân thiện, từng bước nâng cao năng lực số cho đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng địa phương.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo

Ngay từ đầu năm học, Ban Giám hiệu đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các tổ chuyên môn, nhóm lớp trong quá trình thực hiện.

Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên và theo từng giai đoạn, tập trung vào các nội dung như: cập nhật dữ liệu trên CSDL ngành; sử dụng các phần mềm quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; xây dựng và khai thác học liệu số; quản lý hồ sơ điện tử; công tác bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch của ngành.

Nhà trường định kỳ tổ chức rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa dữ liệu trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài sản và các thông tin chuyên ngành trên các hệ thống phần mềm nhằm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và đồng bộ của dữ liệu. Các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra đều được thông báo kịp thời, có biện pháp khắc phục cụ thể và theo dõi kết quả thực hiện.

Nhà trường chú trọng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức thu thập minh chứng, đánh giá thực trạng, xác định những điểm mạnh, hạn chế và xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chuyển đổi số của đơn vị.

Việc thực hiện chế độ thông tin, thống kê và báo cáo được triển khai nghiêm túc, đúng quy định. Các báo cáo định kỳ, đột xuất về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu ngành và thống kê giáo dục được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian yêu cầu. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số được đưa vào nội dung đánh giá thi đua của các tổ chuyên môn và cá nhân, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	Có/Không	Không	Cấp học mầm non không triển khai LMS theo mô hình phổ thông; thực hiện quản lý hoạt động giáo dục thông qua các phần mềm quản lý trường học và nền tảng số phù hợp với đặc thù cấp học.
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	01	STEM/STEAM
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ	%	100%	Cán bộ, giáo viên được cử đi tham gia các lớp tập huấn của

	năng ứng dụng AI và năng lực số			ngành sau đó về tổ chức tập huấn lại cho toàn thể giáo viên trong trường; Ngoài ra, CBGV còn tự bồi dưỡng thông qua sinh hoạt chuyên môn, học tập trực tuyến...
1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	0	Cấp học mầm non không thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra trên máy tính như giáo dục phổ thông.
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	120	Bao gồm giáo án điện tử, video hoạt động giáo dục, bài giảng số, hình ảnh, trò chơi tương tác và tài liệu tuyên truyền tới phụ huynh.
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			
2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	Sử dụng đồng bộ CSDL ngành, VnEdu và các phần mềm quản lý chuyên ngành theo quy định.
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100%	Toàn bộ trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên được cập nhật và quản lý trên cơ sở dữ liệu ngành.
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	100%	Thực hiện quản lý tài sản trên phần mềm quản lý tài sản công và hồ sơ điện tử của nhà trường
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non	Nhà trường thực hiện quản lý hồ sơ trẻ trên môi trường số và cơ sở dữ liệu ngành theo quy định hiện hành.
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến	Có/Không	Có	Thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua đường link ,mã

	về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học			QR.
3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	Phụ huynh thực hiện thanh toán qua tài khoản ngân hàng, mã QR và các hình thức thanh toán điện tử khác.
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Không	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	Có	Đảm bảo phục vụ công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục tại nhà trường.
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100%	Thực hiện quản lý tài khoản người dùng, sao lưu dữ liệu định kỳ, tuyên truyền an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị	Cuộc	02	Tổ chức kiểm tra định kỳ kết hợp rà soát trong các đợt kiểm tra nội bộ trường học.
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	Hoàn thành tốt	100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ năng số; phụ huynh được hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và khai thác thông tin trên môi trường số an toàn, hiệu quả.

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng điểm Chuyển đổi số tại đơn vị: 80/100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm:

Nhà trường đã triển khai nghiêm túc và hiệu quả các nhiệm vụ UDCNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã. Ban hành đầy đủ kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, lồng ghép các nhiệm vụ một cách hiệu quả trong hoạt động quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Cơ sở dữ liệu ngành được cập nhật đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định; 100% trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được quản lý bằng hồ sơ số trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành. Các phần mềm quản lý trường học VNEDU, quản lý CCVC, phần mềm kế toán, quản lý tài sản công, Phần mềm dinh dưỡng và văn bản điện tử được khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nhà trường.

Trong công tác chuyên môn, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các công cụ trí tuệ nhân tạo vào xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế bài giảng điện tử, video minh họa, trò chơi học tập và các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Kho học liệu số của nhà trường từng bước được bổ sung, phát triển và sử dụng hiệu quả trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhà trường duy trì tốt việc tuyển sinh trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tăng cường kết nối với cha mẹ trẻ thông qua các nền tảng số. Công tác tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số được triển khai thường xuyên; phong trào “Bình dân học vụ số” được hưởng ứng tích cực, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh.

Hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân được quan tâm thực hiện. Nhà trường đã hoàn thành việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số và đạt Mức độ 3 theo Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

2. Tồn tại, hạn chế

Một số trang thiết bị công nghệ thông tin được đầu tư từ nhiều năm trước nên cấu hình chưa cao, tốc độ xử lý còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác các phần mềm và ứng dụng số mới. Hệ thống mạng Internet tại một số thời điểm chưa thực sự ổn định, nhất là khi nhiều thiết bị cùng truy cập đồng thời.

Nguồn kinh phí dành cho đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị số và học liệu số còn hạn chế, trong khi nhu cầu ứng dụng công nghệ trong quản lý và giáo dục ngày càng cao.

Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo của đội ngũ chưa đồng đều; một số giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các công nghệ mới, đặc biệt là các ứng dụng AI phục vụ công tác chuyên môn.

Việc xây dựng học liệu số chất lượng cao đòi hỏi nhiều thời gian, kỹ năng và thiết bị hỗ trợ; trong khi khối lượng công việc chuyên môn của giáo viên còn lớn nên việc phát triển nguồn học liệu số dùng chung chưa thật sự phong phú.

3. Kiến nghị

a. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục theo hướng đồng bộ, thống nhất giữa các cấp học; nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của GDMN.

Quan tâm xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung dành riêng cho cấp học mầm non; bổ sung các tài nguyên số, học liệu mở, video hướng dẫn và các công cụ hỗ trợ giáo viên trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của ngành, bảo đảm tính liên thông, đồng bộ dữ liệu và thuận tiện trong quá trình khai thác, sử dụng tại các cơ sở giáo dục.

b. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin và khai thác hiệu quả các nền tảng số trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục mầm non.

Tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn kịp thời các cơ sở giáo dục trong quá trình triển khai, sử dụng các phần mềm dùng chung; thường xuyên cập nhật các văn bản hướng dẫn và chia sẻ các mô hình chuyển đổi số hiệu quả để các đơn vị học tập, nhân rộng.

c. Đối với UBND xã

Quan tâm bố trí nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng internet, thiết bị số phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Tiếp tục tạo điều kiện để nhà trường thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức về CDS, kỹ năng số và bảo đảm an toàn trên môi trường mạng đối với phụ huynh và cộng đồng.

Nhà trường cam kết tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, chủ động khắc phục khó khăn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số,

góp phần nâng cao chất lượng quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong giai đoạn tiếp theo.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Các cá nhân, bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhâm